

KẾ HOẠCH

Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quảng Bình

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; Công văn số 923/BTTTT-QLDN ngày 15/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại địa phương, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai hiệu quả, đồng bộ Nền tảng địa chỉ số quốc gia đã được bộ Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt tại Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 gắn với bản đồ số tại Quảng Bình.

- Thu thập, cập nhật thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia, để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các bên để triển khai Kế hoạch: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số và các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số.

- Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại địa phương với cấu trúc và các trường thông tin đúng theo quy định tại Quyết định số 392/QĐ-BTTTT nhằm thúc đẩy phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Làm tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức khác.

- Trong 8 tháng đầu năm 2022, hoàn thành thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu các trường thông tin cơ bản địa chỉ số cho các đối tượng/công trình tại các mục I, II, III Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này; từ tháng 9 năm 2022 và các năm tiếp theo sẽ cập nhật, bổ sung các trường thông tin nâng cao và cho các đối tượng khác.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh

- Bưu điện Quảng Bình chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng gán địa chỉ số theo hướng dẫn tại các Phụ lục I, II kèm theo Kế hoạch này vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bưu điện Quảng Bình thực hiện khoản khuyến khích thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bưu điện Quảng Bình hướng dẫn, hỗ trợ các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện:

+ Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: Tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

+ Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng Nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: Bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa...

3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện Quảng Bình tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

+ Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình);

+ Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể);

+ Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ số.

+ Hình thức thông báo: Việc thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ có thể qua các kênh như: Chính quyền xã, phường, thị trấn, khu vực; qua tổ công nghệ số cộng đồng; gặp trực tiếp hoặc gửi qua tin nhắn, email, đường thư.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện việc gán biển địa chỉ số:

+ Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gán vào đối tượng/công trình được gán địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

+ Khuyến khích các địa phương triển khai đồng bộ việc gán biển địa chỉ số, với nguồn kinh phí xã hội hóa, hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bưu điện Quảng Bình ban hành mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quảng Bình

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bưu điện Quảng Bình tổ chức tuyên truyền:

+ Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại Quảng Bình; giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số.

+ Tham dự các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng Nền tảng địa chỉ số quốc gia do các cơ quan chức năng tổ chức.

+ Triển khai, tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

5. Nội dung nhiệm vụ trọng tâm triển khai trong năm 2022

(Chi tiết phân công thực hiện một số nhiệm vụ tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn kinh phí của doanh nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật. Khuyến khích nguồn kinh phí xã hội hóa.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài chính căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này để xây dựng dự toán thực hiện các nội dung công việc được giao và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.



3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ liên quan, chủ động bố trí kinh phí để thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Kinh phí doanh nghiệp: Bưu điện Quảng Bình, các doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia và liên quan chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực của đơn vị để thực hiện Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Bưu điện Quảng Bình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; truyền thông, tập huấn, hướng dẫn sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số. Chủ trì, phối hợp với Bưu điện Quảng Bình, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị liên quan, để thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành khi phát sinh nhu cầu quản lý, khai thác tại ngành, địa phương.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND tỉnh và đề xuất với Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp hệ thống bản đồ nền và dữ liệu liên quan trên Hệ thống kết nối và chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia phục vụ xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số dùng chung, chuyên ngành, lĩnh vực của tỉnh gắn với dịch vụ nền tảng địa chỉ số.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức tuyên truyền qua trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh - truyền hình cấp huyện, truyền thanh cơ sở về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh, tại địa phương.

- Chỉ đạo UBND cấp xã, các tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với Bưu điện Quảng Bình, các cơ quan, đơn vị chức năng trong thu thập, cập nhật các trường thông tin, thông báo địa chỉ số.

- Định kỳ tháng (trước ngày 20), quý (trước ngày 20 tháng cuối quý), năm (trước ngày 20/11 hàng năm) báo cáo các mục II, III, tại Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để được tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Bưu điện Quảng Bình

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển, triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp; báo cáo Kế hoạch với UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Xây dựng, triển khai các phương án truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng, khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội; phối hợp với sở, ban, ngành cấp tỉnh và các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số dùng chung, chuyên ngành, lĩnh vực tích hợp với Nền tảng địa chỉ số.

- Định kỳ tháng (trước ngày 20), quý (trước ngày 20 tháng cuối quý), năm (trước ngày 20/11 hàng năm) báo cáo mục I tại Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp, cung cấp thông tin cho Bưu điện Quảng Bình để cập nhật, bổ sung dữ liệu cho cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh trên Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

- Thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số trên Nền tảng địa chỉ số quốc gia phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nghiên cứu kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số chuyên ngành, lĩnh vực tích hợp với nền tảng địa chỉ số.

6. Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình phối hợp với Bưu điện Quảng Bình, các sở, ban, ngành, địa phương tuyên truyền về phát triển, triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh; phổ biến, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác, sử dụng địa chỉ số, Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

7. Đề nghị Tỉnh Đoàn Quảng Bình tích cực phối hợp triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này; chỉ đạo phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ trong Tổ công nghệ số cộng đồng và hoạt động thu thập, bổ sung thông tin xây dựng Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Bưu điện Quảng Bình và cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết. /

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Bưu điện Quảng Bình;
- Báo QB, Đài PT&TH QB;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ An Phong



Phụ lục I

CÁC TRƯỜNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 1235 /KH-UBND ngày 11 / 7 /2022
của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số).

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong Phụ lục II của Kế hoạch này.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng: Là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của đối tượng: Là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường,... hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: Thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục II của Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: Là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của đối tượng); Trường hợp đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận đối tượng.

3.2. Đối với đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: Cổng trước hoặc cổng sau của toà nhà).

3.3. Đối với loại đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách,...), theo đó địa chỉ số của đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường./.

Phụ lục II
PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 11 / 7 /2022
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

II. Trụ sở cơ quan, tổ chức

1. Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội: (i) trụ sở Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và đơn vị trực thuộc; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, HĐND UBND quận, huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở toà án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác.

2. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Cơ sở giáo dục, đào tạo: (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

2. Cơ sở y tế, dược phẩm: (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khỏe: Cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khỏe, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khỏe khác; (iii) Cơ sở thú y: Bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: Nhà thuốc, cửa

hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

3. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: Chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: Cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: Phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi, ...

4. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; cơ sở văn hóa khác.

5. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; các cơ sở thể thao khác.

6. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: Điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: Đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: Điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: Khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: Khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

7. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoá táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

8. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: Bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: Điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

9. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: Trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

10. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: Trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

11. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: Trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: Trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: Trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

12. Cơ sở vận tải, logistic: Bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

13. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: Nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

14. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: Nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

IV. Các công trình giao thông, xây dựng

1. Đường giao thông: Đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba,

ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác.

2. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Công trình xây dựng khác: Gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng¹ không nằm trong các loại nêu trên.

4. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất

1. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

2. Các thửa đất, lô đất, khu đất: Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác).

VI. Các đối tượng khác

1. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi,...).

2. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

¹ Tham khảo các loại công trình tại các phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD

Phụ lục III
NỘI DUNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 1235/KH-UBND ngày 11 / 7 /2022
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Nội dung nhiệm vụ

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Xây dựng Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số			
1.1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quảng Bình	Sở Thông tin và truyền thông (Sở TT&TT)	Bru điện Quảng Bình; UBND cấp huyện	Tháng 7/2022
1.2	Xây dựng Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại Quảng Bình của doanh nghiệp	Bru điện Quảng Bình		Tháng 7/2022
2	Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh Quảng Bình			
2.1	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số các đối tượng tại Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II, III Phụ lục II)	Bru điện Quảng Bình	Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Tháng 7-9 năm 2022
2.2	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số các đối tượng tại Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên thực hiện trước cho đối tượng tại các mục I, II, III Phụ lục II và mở rộng ra các đối tượng khác)	Bru điện Quảng Bình	Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Từ tháng 9 năm 2022
3	Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số			
3.1	Tham mưu thiết kế mẫu biển địa chỉ số phù hợp đặc thù tại tỉnh trên cơ sở mẫu chung do Bộ TT&TT quy định hoặc sử dụng mẫu do Bộ TT&TT quy định	Sở TT&TT		Tháng 7-8 năm 2022

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
3.2	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ	UBND cấp huyện	Sở TT&TT; Bưu điện Quảng Bình	Tháng 7-8 năm 2022
3.3	Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ	UBND cấp huyện	Sở TT&TT; Bưu điện Quảng Bình	Từ tháng 9 năm 2022
3.4	Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II) thuộc địa bàn quản lý	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Từ tháng 9 năm 2022
3.5	Thực hiện việc gắn biển địa chỉ số cho đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II) và thông báo cho UBND cấp huyện quản lý địa bàn biết để theo dõi, quản lý và báo cáo cấp có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu, người quản lý đối tượng/công trình	UBND cấp huyện; Sở TT&TT; Bưu điện Quảng Bình	Từ tháng 9 năm 2022
4	Thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và tình hình, kết quả triển khai Kế hoạch			
4.1	Cung cấp thông tin phục vụ tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình	Sở TT&TT; Bưu điện Quảng Bình; sở, ban, ngành, địa phương	Các cơ quan báo chí, truyền thông	Từ tháng 7 năm 2022
4.2	Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Website Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Sở TT&TT	Bưu điện Quảng Bình; sở, ban, ngành, địa phương	Từ tháng 8 năm 2022
4.3	Tổ chức tuyên truyền trên sóng phát thanh truyền hình Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Bình; qua trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh - truyền hình cấp huyện, truyền thanh cơ sở	Đài PT-TH Quảng Bình; Báo Quảng Bình; UBND cấp huyện	Sở TT&TT; UBND cấp xã	Từ tháng 8 năm 2022
4.4	Xây dựng, triển khai các phương án truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng,	Bưu điện Quảng Bình	Sở TT&TT, các địa phương; các	Từ tháng 8 năm 2022



STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội		cơ quan báo chí, truyền thông	
4.5	Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp khai thác, sử dụng Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số	Sở TT&TT; Bưu điện Quảng Bình	cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Từ tháng 8 năm 2022
5	Thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số			
5.1	Thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số trên Nền tảng địa chỉ số quốc gia phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh	Các sở, ban, ngành, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Sở TT&TT; Bưu điện Quảng Bình	Từ tháng 8 năm 2022
5.2	Tham mưu, đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp nền tảng Bản đồ số trên hệ thống kết nối và chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia phục vụ xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số dùng chung, chuyên ngành, lĩnh vực của tỉnh gắn với dịch vụ nền tảng địa chỉ số	Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT)	Sở TT&TT	Tháng 7-8 năm 2022
5.3	Xây dựng, triển khai nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số chuyên ngành, lĩnh vực tích hợp với nền tảng địa chỉ số	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở TT&TT; Sở TN&MT, Bưu điện Quảng Bình; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ tháng 8 năm 2022



Phụ lục IV

**BIỂU MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP CHỈ TIÊU VỀ TRIỂN KHAI NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ
GẮN VỚI BẢN ĐỒ SỐ TẠI QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Kế hoạch số 1235/KH-UBND ngày 11 / 7 /2022 của UBND tỉnh Quảng Bình)

I. Biểu mẫu báo cáo cung cấp số liệu:

Cơ quan, đơn vị báo cáo:

Tháng năm 202....

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
I	Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số (Bưu điện Quảng Bình thực hiện báo cáo số liệu toàn tỉnh, có phân tổ theo từng huyện để cung cấp cho UBND cấp huyện)					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo

(Chữ ký)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo
II	Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số (UBND cấp huyện báo cáo)					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo
III	Số lượng đối tượng, công trình được gán biển địa chỉ số (UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo)	Biển				Chỉ tiêu khuyến khích báo cáo

II. Hướng dẫn cung cấp số liệu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hướng dẫn
I	Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số (Các đối tượng này đã được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục II)		- Bưu điện Quảng Bình chủ trì thực hiện báo cáo số liệu toàn tỉnh. - Phân tổ theo từng huyện để cung cấp cho UBND cấp huyện
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình	Số lượng Nhà ở cá nhân, hộ gia đình đã thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia.
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan	Số lượng Trụ sở cơ quan, tổ chức đã thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia.
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở	Số lượng Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội đã thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia.
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình	Số lượng Các công trình giao thông, xây dựng đã thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia.
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất	Số lượng Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất đã thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia.
6	Các đối tượng khác		Số lượng Các đối tượng khác đã thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hướng dẫn
II	Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số		- UBND cấp huyện báo cáo - Sau khi có số liệu các đối tượng được cung cấp từ Bưu điện Quảng Bình (tại Mục I), Các đơn vị cấp huyện tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số trên địa bàn mình quản lý đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ theo hướng dẫn tại điểm 3.1, 3.2 mục 3, Phần II của Kế hoạch này.
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình	Số lượng Nhà ở cá nhân, hộ gia đình đã được thông báo thông tin Mã địa chỉ số.
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan	Số lượng Trụ sở cơ quan, tổ chức đã được thông báo thông tin Mã địa chỉ số.
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở	Số lượng Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội đã được thông báo thông tin Mã địa chỉ số.
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình	Số lượng Các công trình giao thông, xây dựng đã được thông báo thông tin Mã địa chỉ số.
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất	Số lượng Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất đã được thông báo thông tin Mã địa chỉ số.
6	Các đối tượng khác		Số lượng Các đối tượng khác đã được thông báo thông tin Mã địa chỉ số.
III	Số lượng đối tượng, công trình được gán biển địa chỉ số	Biển	- UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo - Cung cấp số lượng đối tượng, công trình được gán biển địa chỉ số trên địa bàn mình quản lý theo hướng dẫn tại điểm 3.3 mục 3, Phần II của Kế hoạch này.)